

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ IV NĂM 2013

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Trụ sở:

Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (04) 3728 0921 | Fax: (04) 3728 0920

Trung tâm Dịch vụ KH:

Contact Center: (04) 3728 1818  
contact@tvs.com.vn | www.tvs.com.vn



CNTBGGAT1CH L2698-80001

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2013 đến 31/12/2013

---

Hà Nội, tháng 01 năm 2014

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 17

CNT8CGA1CH L2698-00001

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU SỐ B 01-CTCK**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>701 439 177 135</b>	<b>542 695 978 800</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>153 340 248 240</b>	<b>92 634 154 011</b>
1. Tiền	111		142 940 248 240	36 934 154 011
2. Các khoản tương đương tiền	112		10 400 000 000	55 700 000 000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.04</b>	<b>99 704 178 225</b>	<b>70 240 417 758</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		156 625 403 955	134 697 947 353
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		- 56 921 225 730	- 64 457 529 595
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.11</b>	<b>443 490 868 839</b>	<b>374 536 709 866</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		214 941 146 741	131 572 096 892
2. Trả trước cho người bán	132		2 355 765 583	1 638 901 040
3. Các khoản phải thu khác	135		230 303 386 905	241 783 711 934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		- 4 109 430 390	- 458 000 000
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4 903 881 831</b>	<b>5 284 697 165</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 413 410 271	1 348 587 997
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		96 058 382	39 667 207
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3 394 413 178	3 896 441 961
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>10 154 551 564</b>	<b>9 610 228 776</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3 361 156 933</b>	<b>3 276 759 631</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	1 879 836 070	2 484 943 311
- Nguyên giá	222		17 450 733 756	25 850 861 148
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 15 570 897 686	- 23 365 917 837
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	1 481 320 863	791 816 320
- Nguyên giá	228		9 745 432 283	8 395 957 833
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 8 264 111 420	- 7 604 141 513
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6 793 394 631</b>	<b>6 333 469 145</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07		30 516 816
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	5 800 254 631	5 384 812 329
3. Tài sản dài hạn khác	268		993 140 000	918 140 000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>711 593 728 699</b>	<b>552 306 207 576</b>

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>333 371 378 980</b>	<b>189 884 494 812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>333 371 378 980</b>	<b>189 884 494 812</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	174 263 931 359	63 106 931 492
2. Phải trả người bán	312		1 195 593 176	516 022 875
3. Người mua trả tiền trước	313		430 703 450	469 208 168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	6 789 158 619	6 132 417 226
5. Phải trả người lao động	315		4 372 417 489	3 766 088 543
6. Chi phí phải trả	316	V.14	4 467 403 845	1 423 550 307
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318			
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321			24 500 000 000
10. Phải trả & phải nộp khác	319	V.15	139 465 664 221	88 853 058 663
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2 386 506 821	1 117 217 538
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>378 222 349 719</b>	<b>362 421 712 764</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>378 222 349 719</b>	<b>362 421 712 764</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		9 893 537 224	7 822 097 942
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18 328 812 495	4 599 614 822
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>711 593 728 699</b>	<b>552 306 207 576</b>



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm này đến cuối quý 4	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>38 729 981 427</b>	<b>- 61 931 401 915</b>	<b>96 664 772 265</b>	<b>88 708 916 681</b>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	9 790 893 603	8 126 085 536	31 672 438 642	24 976 856 625
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	3 193 703 738	3 369 119 159	8 300 618 345	5 190 926 153
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	6 129 434 333	3 617 840 784	13 830 462 445	6 018 215 118
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	449 014 867	133 957 143	1 167 264 297	133 957 143
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7			3 000 000	
- Doanh thu khác	01.9	19 166 934 886	- 77 178 404 537	41 690 988 536	52 388 961 642
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>				
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>38 729 981 427</b>	<b>- 61 931 401 915</b>	<b>96 664 772 265</b>	<b>88 708 916 681</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>16 373 044 244</b>	<b>- 78 735 655 566</b>	<b>57 609 693 082</b>	<b>50 614 848 424</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>22 356 937 183</b>	<b>16 804 253 651</b>	<b>39 055 079 183</b>	<b>38 094 068 257</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>6 826 792 437</b>	<b>6 982 914 612</b>	<b>16 715 299 998</b>	<b>12 137 920 248</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>	<b>15 530 144 746</b>	<b>9 821 339 039</b>	<b>22 339 779 185</b>	<b>25 956 148 009</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>60 281 097</b>	<b>4 640 622</b>	<b>67 231 487</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>	<b>11 931 335</b>	<b>148 346 489</b>	<b>11 931 335</b>	<b>148 346 489</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>- 11 931 335</b>	<b>- 88 065 392</b>	<b>- 7 290 713</b>	<b>- 81 115 002</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>15 518 213 411</b>	<b>9 733 273 647</b>	<b>22 332 488 472</b>	<b>25 875 033 007</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>2 569 939 515</b>	<b>1 633 988 727</b>	<b>4 460 412 234</b>	<b>5 160 640 182</b>
<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>				
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>12 948 273 896</b>	<b>8 099 284 920</b>	<b>17 872 076 238</b>	<b>20 714 392 825</b>
<b>15. Lợi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>370</b>	<b>231</b>	<b>511</b>	<b>592</b>



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

Lê Thanh Tùng  
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03- CTCK**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22 332 488 472	25 875 033 007
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2 658 613 391	3 767 755 108
- Các khoản dự phòng	03	- 3 884 873 475	- 6 648 491 278
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	- 3 671 663 278	- 34 515 832 248
- Chi phí lãi vay	06	16 615 128 476	9 190 791 379
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>34 049 693 586</b>	<b>- 2 330 744 032</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	- 63 943 203 412	- 12 747 446 310
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	- 14 663 390 127	- 1 027 827 838 276
- Tiền lãi vay đã trả	13	- 14 543 539 780	- 125 090 273 216
- Thuế TNDN đã nộp	14		
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- 64 822 274	- 1 376 393 098
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		137 040 390
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	- 802 150 000	- 2 194 882 896
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>- 59 967 412 007</b>	<b>- 1 171 430 537 438</b>
<b>II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	- 1 845 316 108	- 1 184 723 915
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	- 72 543 833 021	- 26 077 792 305
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51 376 771 555	1 084 903 158 049
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8 028 883 943	106 709 379 109
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>- 14 983 493 631</b>	<b>1 164 350 020 938</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	923 761 134 830	353 652 078 521
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 812 604 134 963	- 332 495 572 159
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	24 500 000 000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>135 656 999 867</b>	<b>21 156 506 362</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>60 706 094 229</b>	<b>14 075 989 862</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>92 634 154 011</b>	<b>78 558 164 149</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>153 340 248 240</b>	<b>92 634 154 011</b>



Nguyễn Văn Dũng  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

Lê Thanh Tùng  
**Kế toán trưởng**

Bùi Thị Thanh Hiền  
**Người lập biểu**

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 05- CTCK**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số Tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>Vốn chủ sở hữu</b>								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	350 000 000 000	350 000 000 000					350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	7 023 082 530	7 822 097 942	799 015 412		2 071 439 282		7 822 097 942	9 893 537 224
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9 983 252 820	4 599 614 822	20 714 392 825	26 098 030 823	22 029 611 903	8 300 414 230	4 599 614 822	18 328 812 495
<b>Tổng cộng:</b>	<b>367 006 335 350</b>	<b>362 421 712 764</b>	<b>21 513 408 237</b>	<b>26 098 030 823</b>	<b>24 101 051 185</b>	<b>8 300 414 230</b>	<b>362 421 712 764</b>	<b>378 222 349 719</b>

Chi tiết tăng giảm trong năm của các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 17.



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC – UBCK ngày 11/03/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 169 người

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**Đặc điểm kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng đến kỳ báo cáo**

Số lãi Quý 4 tăng so với cùng kỳ Quý 4 năm 2012 nguyên nhân chủ yếu:

Trong kỳ thanh khoản thị trường chứng khoán tăng so với cùng kỳ năm trước dẫn đến doanh thu hoạt động môi giới tăng 1,7 tỷ đồng. Cùng với đó thị trường tăng điểm trong quý 4 năm 2013 giúp công ty hoàn nhập dự phòng tự doanh tăng lên do đó số lãi Quý 4 tăng so với cùng kỳ năm trước 4,8 tỷ đồng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung trên máy tính.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì không ty không trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Các hợp đồng bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Doanh thu**

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

01. Tiền và tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng	131 528 722 700	143 858 020 222
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	11 411 525 540	5 392 035 585
	<b>142 940 248 240</b>	<b>149 250 055 807</b>

Trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền có bao gồm 137 024 940 634 VND (tại 30/09/2013 là 144 252 842 835 VND) là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán

**5. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	2 686 489	37 054 954 973
- Cổ phiếu	2 686 489	37 054 954 973
b) Cửa nhà đầu tư	384 336 223	4 150 760 992 027
- Cổ phiếu	384 336 223	4 150 760 992 027
<b>Tổng</b>	<b>387 022 712</b>	<b>8 338 576 939 027</b>

**6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****6.1 Tình hình đầu tư tài chính**

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
<b>I. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>9 092 672</b>	<b>156 625 403 955</b>	<b>6 085 717 675</b>	<b>56 921 225 730</b>	<b>105 789 895 900</b>
Cổ phiếu	9 092 671	156 624 503 955	6 085 717 675	56 921 225 730	105 788 995 900
Cổ phiếu niêm yết	6 691 782	113 966 394 434	6 083 297 675	30 575 428 409	89 474 263 700
Cổ phiếu chưa niêm yết	2 400 889	42 658 109 521	2 420 000	26 345 797 321	16 314 732 200
Trái phiếu	1	900 000			900 000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>Chứng khoán tự doanh</b>	<b>156 625 403 955</b>	<b>157 442 169 429</b>
Cổ phiếu niêm yết	113 966 394 434	119 104 040 195
Cổ phiếu chưa niêm yết	42 658 109 521	38 336 229 234
Trái phiếu	900 000	1 900 000
<b>Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>- 56 921 225 730</b>	<b>- 61 315 743 943</b>
Dự phòng chứng khoán niêm yết	- 30 575 428 409	- 34 848 467 671
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	- 26 345 797 321	- 26 467 276 272
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>99 704 178 225</b>	<b>96 126 425 486</b>

**6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư**

**Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Giảm giá so với giá thị trường
Cổ phiếu niêm yết	6 691 782	113 966 394 434	30 575 428 409
Cổ phiếu chưa niêm yết	2 400 889	42 658 109 521	26 345 797 321
Upcom	922 796	17 945 215 772	12 375 098 572
OTC	1 478 093	24 712 893 749	13 970 698 749

CNT8CGA1CH L2698-60001

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09- CTCK**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	15 601 076 163	1 049 043 200	246 385 769	273 789 012	17 170 294 144
Tăng trong kỳ	383 520 500		22 372 812		405 893 312
- Mua mới	383 520 500				383 520 500
- Tăng khác			22 372 812		22 372 812
Giảm trong kỳ	125 453 700				125 453 700
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	125 453 700				125 453 700
Số dư cuối kỳ	15 859 142 963	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	17 450 733 756
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	13 691 200 221	929 625 775	246 385 773	273 789 012	15 141 000 781
Tăng trong kỳ	470 246 896	27 572 163	22 372 812		
- Khấu hao trong kỳ	470 246 896	27 572 163			497 819 059
- Tăng khác			22 372 812		22 372 812
Giảm trong kỳ	90 294 962		4		90 294 966
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	90 294 962		4		90 294 966
Số dư cuối kỳ	14 071 152 155	957 197 938	268 758 581	273 789 012	15 570 897 686
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	1 909 875 942	119 417 425	- 4		2 029 293 363
Tại ngày cuối kỳ	1 787 990 808	91 845 262			1 879 836 070



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	9 629 932 283	9 629 932 283
Tăng trong kỳ	115 500 000	115 500 000
- Mua sắm mới		
Số dư cuối kỳ	9 745 432 283	9 745 432 283
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	8 009 883 188	7 721 006 112
Tăng trong kỳ	254 228 232	254 228 232
Khấu hao trong kỳ	254 228 232	254 228 232
Số dư cuối kỳ	8 264 111 420	8 264 111 420
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	1 620 049 095	1 620 049 095
Tại ngày cuối kỳ	1 481 320 863	1 481 320 863

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	64 215 537	32 280 549
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4 460 412 234	1 890 472 719
- Thuế thu nhập cá nhân	2 264 530 848	967 102 792
	6 789 158 619	2 889 856 060

**10. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền nộp ban đầu	124 489 244	124 489 244
- Tiền nộp bổ sung	4 559 570 843	4 559 570 843
- Tiền lãi phân bổ trong năm	1 116 194 544	1 116 194 544
	5 800 254 631	5 800 254 631

**11. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Tổng số	Tăng	Giảm	Tổng số
A	1	2	3	4
Phải thu của khách hàng	175 311 075 930	39 630 070 811		214 941 146 741
Trả trước người bán	2 485 903 007		130 137 424	2 355 765 583
Phải thu khác	235 764 953 129		5 461 566 224	230 303 386 905
<b>Cộng</b>	<b>413 561 932 066</b>	<b>39 630 070 811</b>	<b>5 591 703 648</b>	<b>447 600 299 229</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Lãi dự thu	26 348 005 922	20 132 774 071
Các khoản phải thu khác	203 955 380 983	215 632 179 058
	<b>230 303 386 905</b>	<b>235 764 953 129</b>

**13. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	764 500 000	764 500 000
Số sử dụng trong kỳ		
Số trích lập trong kỳ	3 344 930 390	
Số dư cuối kỳ	<b>4 109 430 390</b>	<b>764 500 000</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí trả lãi tiền vay cá nhân, tổ chức	2 071 588 696	1 509 992 876
Chi phí phải trả khác	2 395 815 149	2 257 171 513
	<b>4 467 403 845</b>	<b>3 767 164 389</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	137 024 940 634	144 252 842 835
- Kinh phí công đoàn	103 711 001	91 802 921
- Bảo hiểm xã hội, y tế	78 196 403	230 669 500
- Doanh thu chưa thực hiện		12 000 000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2 258 816 183	5 390 474 370
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
	<b>139 465 664 221</b>	<b>149 977 789 626</b>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngân hàng				
Vay đối tượng khác (*)	145 469 891 228	275 616 563 114	246 822 522 983	174 263 931 359
<b>Cộng</b>	<b>145 469 891 228</b>	<b>275 616 563 114</b>	<b>246 822 522 983</b>	<b>174 263 931 359</b>

(\*) Bao gồm các hợp đồng vay để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất từ 8.5% năm đến 13% năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2012	350 000 000 000	7 023 082 530	9 983 252 820
Tăng trong năm		799 015 412	20 714 392 825
Trích quỹ trong năm		799 015 412	
Lợi nhuận trong năm			20 714 392 825
Giảm trong năm			-26 098 030 823
Phân phối lợi nhuận năm 2011			-1 598 030 823
Tạm chia cổ tức năm 2012			-24 500 000 000
Số dư tại 31/12/2012	350 000 000 000	7 822 097 942	4 599 614 822
Tăng trong kỳ			22 029 611 903
Trích quỹ trong kỳ		2 071 439 282	2 071 439 282
Lợi nhuận trong kỳ			22 029 611 903
Giảm trong kỳ			8 300 414 230
số dư tại 30/06/2013	350 000 000 000	9 893 537 224	18 328 812 495

Ghi chú: Theo Nghị quyết số 22/2013/NQ-ĐHĐCĐ- Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2013 ngày 22 tháng 5 năm 2013, phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 được thông qua như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	2 071 439 282
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1 035 719 641
+ Quỹ dự trữ bắt buộc	1 035 719 641
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2 071 439 283

  


Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014

  
Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

  
Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu